

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 17/5/2019.

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế; Ông Nguyễn Đăng Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuyên- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xóm T, xã M, huyện Th, tỉnh B.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ Xóm T, xã M, huyện Th, tỉnh B.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Tòa án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 28/9/1987, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã M, huyện Th, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng gia đình anh T được khoảng 01 -02 tháng thì vợ chồng ra ở riêng.

Theo như anh T trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Do cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa nên

đến khoảng năm 1997- 1998 nên anh bỏ vào Gia Lai làm ăn và sinh sống ở trong đó thỉnh thoảng ở quê có công việc thì anh mới về, còn chị L và hai con vẫn ở nhà. Anh và chị L tuy sống xa nhau nhưng mỗi lần tôi về thì vợ chồng lại xảy ra đánh cãi nhau nên đến năm 2000 anh đã làm đơn ly hôn chị L nhưng do lúc đó các con anh còn nhỏ nên Tòa án nhân dân huyện T huận Thành đã xử bác đơn ly hôn của anh nhưng anh cũng chấp thuận để khỏi ảnh hưởng đến con cái . Nhưng sau đó tôi và chị L vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn , không thể tiếp tục ở được với nhau nên tôi lại bỏ vào ở trong Gia Lai. Anh xác nhận anh và chị L đã sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị L thực sự đã hết từ lâu nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh năm 1989 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ và ruộng canh tác Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị L xác nhận lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T ngay cho đến năm 1996, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh T đi làm ăn trong Gia Lai thỉnh thoảng mới về quê, chị ở nhà vẫn nuôi dạy và chăm sóc con cái. Đến năm 1998 anh T về quê và có cho nói cho chị và gia đình biết việc anh T có quan hệ tình cảm với cô Lê Thị H, sinh năm 1958 quê ở Th nên anh T đã làm đơn xin ly hôn chị , Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã đưa ra xét xử và bác đơn ly hôn của anh T. Sau đó anh T vẫn tiếp tục chung sống với cô H ở trong Gia Lai nhưng bị cô H lừa hết tiền nên anh T đã gửi đơn kiện cô H tại Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Do anh T vẫn thường xuyên làm ăn và sống ở trong Gia Lai thỉnh thoảng mới về quê nên giữa chị và anh T không có mâu thuẫn gì lớn. Nay anh T lại tiếp tục làm đơn ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn với anh T vì chị con cái chị tuy đã trưởng thành nhưng vẫn cần sự ổn định của gia đình, bản thân anh T đã nhiều năm nay thường mà xu yên không ở nhà nên anh T muốn đi đâu thì đi chị không có ý kiến gì . Hơn nữa nguyên nhân anh T xin ly hôn chị là do anh T có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác do vậy chị đề nghị tòa án bác đơn ly hôn của anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung như anh T trình bày là đúng, Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị cũng không yêu cầu Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không hòa giải được vì anh T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải

Tại phiên toà hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị L. Phía chị L không đồng ý ly hôn với anh T.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải

quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 28/9/1987, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã M, huyện Th, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Duy T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa anh T và chị L là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng cả hai bên đều không có biện pháp nào để giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để các bên về đoàn tụ nhưng không hòa giải được vì anh T vắng mặt và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Phía anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị L vì tình cảm vợ chồng không còn, phía chị L không đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy năm 2000 anh T đã làm đơn ly hôn chị L và Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã bác đơn ly hôn của anh T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng đến nay đã nhiều năm nhưng tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L vẫn không thể hàn gắn được mà anh T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn chị L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung giữa anh không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần xử cho anh T được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh năm 1989 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1993. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Nguyễn Thị L có hai con chung là Nguyễn Thị O, sinh năm 1989 và Nguyễn Duy T, sinh năm 1993, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 003026 ngày 14/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu

